

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao nhiệm vụ thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học**  
**cấp cơ sở năm 2023 (đợt 1)**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING**

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHTCM ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy chế quản lý đề tài, đề án khoa học công nghệ Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-ĐHTCM ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023 (đợt 1) cho các cá nhân (theo Danh mục đính kèm).

**Điều 2.** Quy trình thực hiện, nghiệm thu, thanh lý đề tài phải theo quy định chung hiện hành của Nhà trường.

**Điều 3.** Trưởng phòng Quản lý khoa học, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các khoa và chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 1, 3;
- Lưu: VT, QLKH. ✓

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
PGS.TS. Phạm Tiến Đạt



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**★ DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2023 (ĐỢT 1)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1589/QĐ-ĐHTCM ngày 30 tháng 6 năm 2023 của

Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT | Mã số    | Tên đề tài                                                                                                                                          | Chủ nhiệm đề tài          | Kinh phí giao |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------|
| 01  | CS-01-23 | Ảnh hưởng của các kênh truyền dẫn chính sách tài chính thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân                                                          | TS. Lê Trung Đạo          | 30            |
| 02  | CS-02-23 | Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế xanh trong sự điều tiết của hệ thống tài chính: trường hợp các quốc gia Asean-6    | TS. Bùi Ngọc Toàn         | 30            |
| 03  | CS-03-23 | Cấu trúc vốn và hiệu quả tài chính: nghiên cứu trường hợp các công ty bất động sản                                                                  | ThS. Nguyễn Bằng Phi      | 30            |
| 04  | CS-04-23 | Tác động bất đối xứng của các yếu tố kinh tế vĩ mô đến thị trường chứng khoán Việt Nam                                                              | TS. Phạm Đức Huy          | 30            |
| 05  | CS-05-23 | Tác động chính sách tiền tệ của Mỹ và Trung Quốc đến thị trường chứng khoán các nước Đông Nam Á                                                     | ThS. Nguyễn Vũ Duy        | 30            |
| 06  | CS-06-23 | Tác động của cấu trúc vốn đến khả năng sinh lời và rủi ro ngân hàng: Nghiên cứu cho trường hợp Việt Nam                                             | TS. Nguyễn Trần Xuân Linh | 30            |
| 07  | CS-07-23 | Những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu lực của kiểm toán nội bộ tại các đơn vị hành chính sự nghiệp                                                       | ThS. Phạm Huỳnh Lan Vi    | 30            |
| 08  | CS-08-23 | Tác động của độ tin cậy báo cáo tài chính đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | TS. Nguyễn Kim Quốc Trung | 30            |

| STT | Mã số    | Tên đề tài                                                                                                                                                                                                                                          | Chủ nhiệm đề tài            | Kinh phí giao |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|
| 09  | CS-09-23 | Tác động của đặc điểm Chủ tịch hội đồng quản trị đến hành vi quản trị lợi nhuận tại các doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam                                                                                               | ThS. Phạm Thị Xuân Thảo     | 30            |
| 10  | CS-10-23 | Đặc điểm đơn vị kiểm toán tác động đến chất lượng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết thuộc nhóm ngành xây dựng tại Việt Nam                                                                                                                 | ThS. Tạ Thị Thu Hạnh        | 30            |
| 11  | CS-11-23 | Ảnh hưởng của năng lực kiểm toán viên đến sự hữu hiệu của kiểm toán nội bộ tại các doanh nghiệp tại Việt Nam                                                                                                                                        | ThS. Ung Hiền Nhã Thi       | 30            |
| 12  | CS-12-23 | Tác động của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến tránh thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty niêm yết ở Việt Nam                                                                                                                           | ThS. Thái Trần Văn Hạnh     | 30            |
| 13  | CS-13-23 | Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán đám mây trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh                                                                                                   | ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh   | 30            |
| 14  | CS-14-23 | Ảnh hưởng của hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) đến thực hiện kế toán quản trị trong các công ty niêm yết tại Thành phố Hồ Chí Minh                                                                                                  | ThS. Dương Thị Thùy Liên    | 30            |
| 15  | CS-15-23 | Tác động của nhân tố tổng hợp đại diện quản trị công ty đến minh bạch công bố thông tin tài chính ở các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam                                                                                       | ThS. Trương Thảo Nghi       | 30            |
| 16  | CS-16-23 | Ảnh hưởng của các nhân tố thuộc hệ thống kiểm soát nội bộ đến chất lượng báo cáo tài chính tại các đơn vị hành chính sự nghiệp ở Việt Nam                                                                                                           | ThS. Võ Thị Trúc Đào        | 30            |
| 17  | CS-17-23 | Tác động của phong cách lãnh đạo trao quyền đến sự sáng tạo của viên chức tại các trường đại học công lập Việt Nam: vai trò trung gian gắn kết công việc, chia sẻ tri thức và hành vi làm việc tự chủ dưới tác động điều tiết của sự hỗ trợ tổ chức | PGS.TS. Huỳnh Thị Thu Sương | 30            |

| STT | Mã số    | Tên đề tài                                                                                                                                                                                               | Chủ nhiệm đề tài             | Kinh phí giao |
|-----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------|
| 18  | CS-18-23 | Tác động của lãnh đạo tinh thần, tinh thần làm việc của nhân viên đến sự tham gia vào hoạt động trách nhiệm xã hội của nhân viên                                                                         | TS. Trần Nguyễn Khánh Hải    | 30            |
| 19  | CS-19-23 | Tác động của trách nhiệm xã hội đến giá trị thương hiệu trường đại học theo quan điểm sinh viên – Nghiên cứu trường hợp các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh                                     | TS. Dư Thị Chung             | 30            |
| 20  | CS-20-23 | Ảnh hưởng của Marketing giác quan đến cảm nhận chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của người tiêu dùng thế hệ Gen Z khi sử dụng dịch vụ ẩm thực tại các cửa hàng ăn uống tại Thành phố Hồ Chí Minh         | TS. Tạ Văn Thành             | 30            |
| 21  | CS-21-23 | Ảnh hưởng của sự hữu ích, niềm tin đến sự chấp nhận các đánh giá trực tuyến và ý định đặt phòng khách sạn tại website booking.com: Nghiên cứu thực nghiệm đối với người dùng Việt Nam                    | ThS. Huỳnh Trị An            | 30            |
| 22  | CS-22-23 | Tác động của hình ảnh thương hiệu đến trung thành thương hiệu của các đối tác doanh nghiệp Logistics tại Việt Nam: vai trò trung gian của tình yêu thương hiệu và gắn kết thương hiệu                    | ThS. Nguyễn Thị Thùy Giang   | 30            |
| 23  | CS-23-23 | Tác động của liên kết chuỗi cung ứng đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp: Nghiên cứu trường hợp các doanh nghiệp may mặc tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam                                         | ThS. Nguyễn Thị Cẩm Loan     | 30            |
| 24  | CS-24-23 | Ảnh hưởng của sự tự tin, tự trọng và quyết tâm của giảng viên đến sự cân bằng công việc – cuộc sống và hiệu quả công việc                                                                                | ThS. Võ Thị Anh Đào          | 30            |
| 25  | CS-25-23 | Tác động của môi trường học tập, vốn tâm lý đến cảm nhận kết quả học tập tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ Trường Đại học Tài chính – Marketing: Vai trò trung gian của tính tự chủ trong học tập | ThS. Đặng Nguyễn Phương Thảo | 30            |

| STT | Mã số    | Tên đề tài                                                                                                                          | Chủ nhiệm đề tài           | Kinh phí giao |
|-----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------|
| 26  | CS-26-23 | Ảnh hưởng của trải nghiệm ẩm thực đường phố đến hình ảnh điểm đến Thành phố Hồ Chí Minh trong cảm nhận của du khách                 | TS. Nguyễn Thị Diễm Kiều   | 30            |
| 27  | CS-27-23 | Nghiên cứu năng lực cạnh tranh của điểm đến du lịch thông minh tại Thành phố Hồ Chí Minh                                            | ThS. Hà Kim Hồng           | 30            |
| 28  | CS-28-23 | Nghiên cứu hình ảnh điểm đến tác động đến ý định du lịch trong tương lai của khách du lịch quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh        | ThS. Nguyễn Phạm Hạnh Phúc | 30            |
| 29  | CS-29-23 | Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng văn phòng thực hành luật (Clinic Law) tại Trường Đại học Tài chính – Marketing                  | TS. Tô Thị Đông Hà         | 30            |
| 30  | CS-30-23 | Giáo dục thực hành luật – giải pháp phát triển tại Trường Đại học Tài chính – Marketing                                             | ThS. Trần Thị Huyền Trang  | 30            |
| 31  | CS-31-23 | Bảo vệ quyền riêng tư đối với dữ liệu cá nhân trong môi trường Internet: Nghiên cứu tại Việt Nam                                    | ThS. Ngô Thị Duyên         | 30            |
| 32  | CS-32-23 | Phát triển sức mạnh bật nhảy nâng cao hiệu quả đập bóng cho đội tuyển bóng chuyền nữ sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing | ThS. Bùi Thiện Mến         | 30            |
| 33  | CS-33-23 | Yếu tố ảnh hưởng đến phong trào rèn luyện thể dục thể thao của sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing                       | TS. Phan Thanh Mỹ          | 30            |
| 34  | CS-34-23 | Phân tích khả năng đáp ứng nhu cầu về trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của lao động trực tiếp tại Thành phố Hồ Chí Minh                | ThS. Phạm Minh Tiến        | 30            |
| 35  | CS-35-23 | Nghiên cứu tiếp cận các kỹ thuật machine learning trong xây dựng mô hình chấm điểm và xét duyệt hồ sơ tín dụng                      | TS. Phạm Thủy Tú           | 30            |

| STT | Mã số    | Tên đề tài                                                                                                           | Chủ nhiệm đề tài          | Kinh phí giao |
|-----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------|
| 36  | CS-36-23 | Khám phá tác động của CHATGPT đến việc dạy và học ở bậc đại học: Nghiên cứu tại Trường Đại học Tài chính – Marketing | ThS. Trương Đình Hải Thụy | 30            |
| 37  | CS-37-23 | Nghiên cứu ảnh hưởng công nghệ trong chuyển đổi số trong giáo dục đại học                                            | TS. Trương Thành Công     | 30            |
| 38  | CS-38-23 | Bất đẳng thức dạng Hardy chứa trọng số Dunkl                                                                         | ThS. Nguyễn Văn Phong     | 30            |
| 39  | CS-39-23 | Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị tại Trường Đại học Tài chính - Marketing                     | TS. Bùi Thanh Tùng        | 30            |

Tổng cộng danh sách có 39 đề tài./. ✓





Số: 464 /HD-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2023

**HỢP ĐỒNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ THỰC HIỆN  
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2023**

*Căn cứ Bộ Luật Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;*

*Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-ĐHTCM ngày 9 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Tài chính – Marketing;*

*Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHTCM ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy chế quản lý đề tài, đề án khoa học công nghệ Trường Đại học Tài chính – Marketing;*

*Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-ĐHTCM ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Tài chính – Marketing;*

*Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-ĐHTCM ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc giao nhiệm vụ thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023 (đợt 1);*

*Căn cứ Giấy ủy quyền số 2769/GUQ-ĐHTCM ngày 30 tháng 12 năm 2022.*

Hôm nay, ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại TP. Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**Bên giao (Bên A) : Trường Đại học Tài chính - Marketing**

Địa chỉ : số 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, TP.HCM

Đại diện : **TS. Lê Trung Đạo**

Chức vụ : Phó Hiệu trưởng

**Bên nhận (Bên B): ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh** chủ nhiệm.

Địa chỉ : Trường Đại học Tài chính – Marketing

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

**Điều 1:** Bên B cam kết thực hiện đề tài: *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán đám mây trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh*, mã số: CS-13-23.

**Điều 2:** Thời gian thực hiện hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

**Điều 3:** Bên A có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện và tổ chức nghiệm thu đề tài theo quy định hiện hành.

**Điều 4: Kinh phí thực hiện đề tài:**

- Tổng kinh phí để thực hiện đề tài là: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).
- Nguồn kinh phí:
- + Ngân sách trường: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).
- + Nguồn khác: Không
- + Kinh phí này được bên A chuyển cho bên B thành 02 (hai) đợt:
  - Đợt 1: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) sau khi ký hợp đồng;
  - Đợt 2: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) sau khi nghiệm thu.

Sau khi đề tài được hoàn thành, hai bên chịu trách nhiệm cùng tổ chức đánh giá nghiệm thu sản phẩm nghiên cứu, nếu đề tài không đạt yêu cầu thì bên B phải chịu trách nhiệm hoàn trả phần kinh phí đã nhận của bên A.

**Điều 5:** Sau khi nghiệm thu, Bên B hoàn thành công trình nghiên cứu theo kết luận của hội đồng nghiệm thu và chuyển cho bên A toàn bộ kết quả nghiên cứu gồm:

- 02 (hai) bản báo cáo chính thức và các bản báo cáo tóm tắt của công trình;
- File mềm của báo cáo chính thức và báo cáo tóm tắt.

**Điều 6: Quyền sở hữu trí tuệ**

Đề tài nhận 100% kinh phí từ bên A, quyền sở hữu đối với kết quả nghiên cứu thuộc về bên A. Bên B được hưởng quyền tác giả, không đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm theo Bộ Luật Dân sự Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp luật liên quan. Chủ nhiệm đề tài muốn phổ biến, sử dụng kết quả nghiên cứu phải có sự thỏa thuận bằng văn bản giữa hai bên.

**Điều 7: Nghĩa vụ cung cấp thông tin**

Khi cần, bên B (Chủ nhiệm đề tài) có nghĩa vụ cung cấp cho bên A (Trường Đại học Tài chính - Marketing) đầy đủ các thông tin liên quan đến đề tài trong thời gian thực hiện đề tài cũng như sau khi đã được nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

**Điều 8: Điều khoản chung**

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã được ghi trong hợp đồng. Nếu bên nào vi phạm phải chịu trách nhiệm theo quy định hiện hành. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có các yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung, hai bên phải kịp thời thỏa thuận bằng văn bản. ✓

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**



ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh



TS. Lê Trung Đạo

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN GIA HẠN THỜI GIAN THỰC HIỆN  
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ**

Kính gửi:     - Ban Giám hiệu  
                  - Phòng Quản lý khoa học

Tên tôi là: NGUYỄN THỊ KIỀU OANH

Đơn vị công tác: Khoa Kế toán – Kiểm toán

Chủ nhiệm đề tài:

Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán đám mây trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số: CS-13-23

(theo Quyết định số 1589/QĐ-ĐHTCM ngày 30/06/2023

Và Hợp đồng số 464/HĐ-ĐHTCM ngày 07/07/2023)

Xin gia hạn đến: 31/12/2024

Lý do: Cần thêm thời gian để điều tra, thu thập dữ liệu phục vụ cho đề tài.

Tôi xin hoàn thành đề tài đúng thời gian gia hạn trên.

Trân trọng cảm ơn./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2024

**Người làm đơn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



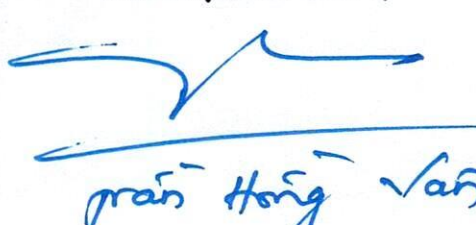
Nguyễn Thị Kiều Oanh

**Ban Giám Hiệu duyệt**

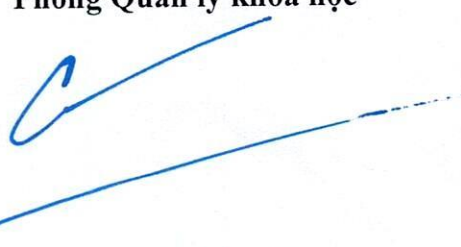


**TS. Phạm Quốc Việt**

**Xác nhận của đơn vị**



Phòng Quản lý khoa học



**PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2024

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**  
**Số 448/HĐ-ĐHTCM – PL1**

Căn cứ Hợp đồng số 464/HĐ-ĐHTCM ngày 07/7/2023 về việc triển khai nhiệm vụ thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023;

Căn cứ đơn xin gia hạn thời gian thực hiện đề tài của chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán đám mây trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh”, mã số CS-13-23;

Căn cứ Giấy ủy quyền số: 1142/GUQ-ĐHTCM ngày 26/4/2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học.

Hôm nay, tại Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**Bên giao (Bên A) : Trường Đại học Tài chính - Marketing**

Địa chỉ : 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TPHCM

Đại diện : **TS. Phạm Quốc Việt**

Chức vụ : Phó Hiệu trưởng

**Bên nhận (Bên B): ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh**

Địa chỉ : Khoa Kế toán – Kiểm toán

Sau khi xem xét, thỏa thuận hai bên đã đi đến thống nhất ký Phụ lục Hợp đồng để điều chỉnh một số nội dung thuộc Hợp đồng số 464/HĐ-ĐHTCM ngày 07/7/2023 như sau:

**1. Điều chỉnh Điều 2 của Hợp đồng**

Thời gian thực hiện Hợp đồng đến 31/12/2024

**2. Điều khoản chung**

- Ngoài các nội dung điều chỉnh tại khoản 1 của phụ lục này, các nội dung khác của hợp đồng số: 464/HĐ-ĐHTCM ngày 07/7/2023 được giữ nguyên.
- Bên B có trách nhiệm thực hiện các điều khoản thuộc hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký.
- Phụ lục có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng số: 464/HĐ-ĐHTCM ngày 07/7/2023

Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ 02 bản. ✓

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
CHỦ NHIỆM**



**ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh**

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Phạm Quốc Việt**

Số: **3225**/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **27** tháng **11** năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp cơ sở

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-ĐHTCM ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-ĐHTCM ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-ĐHTCM ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc giao nhiệm vụ thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023 (đợt 1);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán đám mây trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh”, mã số: CS-13-23 do ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh làm chủ nhiệm, gồm các thành viên (có danh sách đính kèm).

**Điều 2.** Hội đồng có trách nhiệm đánh giá, nghiệm thu đề tài theo quy định và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý khoa học và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

#### Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLKH. ✓



TS. Phạm Quốc Việt

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  
**TÀI CHÍNH – MARKETING**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU**  
**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **3225** /QĐ-ĐHTCM ngày **27/11/2024**  
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

| STT | Họ và tên                 | Chức danh<br>Hội đồng | Đơn vị                          |
|-----|---------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| 1   | TS. Phạm Quốc Việt        | Chủ tịch              | Trường ĐH Tài chính – Marketing |
| 2   | TS. Dương Hoàng Ngọc Khuê | Phản biện 1           | Trường ĐH Tài chính – Marketing |
| 3   | PGS.TS. Võ Văn Nhị        | Phản biện 2           | Đại học Kinh tế TP HCM          |
| 4   | TS. Nguyễn Kim Quốc Trung | Ủy viên               | Trường ĐH Tài chính – Marketing |
| 5   | PGS.TS. Huỳnh Thế Nguyễn  | Ủy viên thư ký        | Trường ĐH Tài chính – Marketing |

Danh sách gồm có 05 thành viên./.



**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU  
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ**

1. Tên đề tài: *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán đám mây trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh.*
2. Mã số đề tài: CS-13-23
3. Chủ nhiệm đề tài: ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh
4. Cơ quan chủ trì: Trường ĐH Tài chính – Marketing
5. Quyết định thành lập hội đồng: số 3225/QĐ-ĐHTCM ngày 27/11/2024
6. Thời gian họp: 15 giờ 00 phút, ngày 06/12/2024
7. Địa điểm họp: Họp trực tuyến
8. Thành phần tham dự:

**8.1 Hội đồng nghiệm thu:**

| STT | Họ và tên                 | Chức danh trong Hội đồng | Đơn vị                          |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------------|
| 1   | TS. Phạm Quốc Việt        | Chủ tịch                 | Trường ĐH Tài chính – Marketing |
| 2   | TS. Dương Hoàng Ngọc Khuê | Phản biện 1              | Trường ĐH Tài chính – Marketing |
| 3   | PGS.TS. Võ Văn Nhị        | Phản biện 2              | Đại học Kinh tế TP HCM          |
| 4   | TS. Nguyễn Kim Quốc Trung | Ủy viên                  | Trường ĐH Tài chính – Marketing |
| 5   | PGS.TS. Huỳnh Thế Nguyễn  | Ủy viên thư ký           | Trường ĐH Tài chính – Marketing |

**8.2 Nhóm thực hiện:**

Nguyễn Thị Kiều Oanh và cộng sự

**8.3 Khách mời:**

Chon

## 9. Nội dung cuộc họp:

### 9.1. Chủ nhiệm đề tài báo cáo tóm tắt nội dung:

- Lý do chọn đề tài
- Khái niệm và PPNL
- Nội dung NL
- Hàm ý chính sách

### 9.2. Ý kiến và câu hỏi của các thành viên Hội đồng:

- PB1: - Hỗ trợ kỹ thuật: các bằng chứng  
- Làm rõ giới hạn giữa hai đề, các khái niệm và chỉ báo.  
- Bổ sung dữ liệu mới  
→ Tài liệu tham khảo, tài liệu biên tập  
quan "y tế" & J

- Pha: - áp dụng cho môn HTTT CT  
"Chẩn đoán" có phần biên như phần  
- Chưa làm rõ hạn chế và chưa  
này ứng dụng để phân tích mẫu.  
- Làm rõ kỹ thuật kỹ thuật "điện báo" mẫu?  
- Đơn vị đo?  
- Về việc tải hình ảnh mẫu: có  
giải pháp cho DIM?

Thông qua  
UV: Trung  
quan N/C, Y' quyết định các  
qua A' hiện  
Thay vì: NCHAT

### 9.3. Ý kiến giải trình của nhóm đề tài:

Tên giá tiếp đến y' hiện H0

9.4. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá.

Tổng điểm: 5, hợp lệ 5.  
Tổng điểm: 40,4  
Điểm trung bình: 80,8  
Xếp loại: Đạt

10. Kết luận của Hội đồng:

Hội đồng thống nhất kết luận:  
- Thông qua quy chuẩn thủ tục thi cử khi thi giả  
luôn phải các yêu cầu:  
+ Không bắt đầu bài, hăng hái, chửi thề; giả vờ hăng hái.  
+ Không "chửi bới" hoặc "mắng nhiếc" làm ảnh hưởng đến  
"kết quả thi cử".  
+ Làm rõ khái niệm "chấp nhận" trong tên đề tài;  
làm rõ nguyên nhân gây ra, các điều kiện, bằng chứng.  
+ Bổ sung hoặc đang bị dùng để "báo cáo" hoặc  
mạng ở DNVN hiện nay.  
+ Làm rõ tài liệu của môi trường tự nhiên  
của, môi trường hợp lý cho việc môi trường  
này áp dụng tại DNVN.

Buổi họp kết thúc lúc 16 giờ 15 cùng ngày./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

  
Huỳnh Thế Nguyễn

  
B. Phạm Quốc Việt

Số: **52** /BBTL-ĐHTCM-QLKHHTQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20** tháng **01** năm 2025

## BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ Hợp đồng số: 464/HĐ-ĐHTCM ngày 07/7/2023 ký kết giữa Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính – Marketing và ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu đề tài: **Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán đám mây trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh, mã số: CS-13-23;**

Căn cứ Giấy ủy quyền số 109/GUQ-ĐHTCM ngày 10 tháng 01 năm 2025.

Chúng tôi gồm :

- 1. Bên giao (Bên A): TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING**  
Địa chỉ : 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp.HCM  
Đại diện : PGS.TS. Phạm Quốc Việt  
Chức vụ : Phó Hiệu trưởng
- 2. Bên nhận (Bên B) : ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh**  
Địa chỉ : Trường Đại học Tài chính – Marketing

Hai bên thống nhất thanh lý Hợp đồng số: 464/HĐ-ĐHTCM ngày 07/7/2023 ký kết giữa Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính – Marketing và ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh với các điều khoản như sau:

**Điều 1:** Nội dung công việc và thời gian thực hiện:

Bên B đã thực hiện nội dung công việc theo đúng Hợp đồng số: 464/HĐ-ĐHTCM ngày 07/7/2023. Đã được Hội đồng nghiệm thu xếp loại: Đạt.

**Điều 2:** Sản phẩm giao nộp

Bên B đã giao nộp cho Bên A các sản phẩm của đề tài theo đúng hợp đồng gồm:

- Báo cáo chính thức;
- File báo cáo;

**Điều 3:** Giá trị hợp đồng và thanh lý

- Giá trị hợp đồng: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)
- Giá trị thanh lý: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

- Sau khi Bên A thanh toán đầy đủ cho Bên B số tiền trên, thì Hợp đồng số: 464/HĐ-ĐHTCM ngày 07/7/2023 đã chính thức được thanh lý.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh**



**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**PGS.TS. Phạm Quốc Việt**

Số: 184 /QĐ-ĐHTCM-QLKHHTQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thực hiện  
nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHTCM ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy chế quản lý đề tài, đề án khoa học công nghệ Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-ĐHTCM ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc giao nhiệm vụ thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 3225/QĐ-ĐHTCM ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở;

Căn cứ Biên bản họp và Biên bản kiểm phiếu Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở ngày 06 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định số 3225/QĐ-ĐHTCM ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở với đề tài: “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán đám mây trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh”, mã số: CS-13-23.

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh

Thành viên tham gia thực hiện:

1/ TS. Ngô Thị Mỹ Thúy

2/ ThS. Võ Thị Trúc Đào

3/ ThS. Vương Thị Thanh Nhân

4/ ThS. Chu Thị Thương

Thời gian thực hiện: 12 tháng

Xếp loại: Đạt.

**Điều 2.** Nhiệm vụ được công nhận sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ theo thuyết minh được duyệt đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành của Trường. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường các đơn vị thuộc trường, Chủ nhiệm nhiệm vụ và các thành viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLKHHTQT. 



THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU  
KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ NĂM 2023<sup>1</sup>

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

|                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                           |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1.                                                                        | Tên đề tài <sup>2</sup> : <b>NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC CHẤP NHẬN ỨNG DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN ĐÁM MÂY TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b>                                                                                                                                                    |                           |
| Mã số: <i>CS - 13 - 23</i> (do Phòng QLKH ghi khi thuyết minh được duyệt) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                           |
| 2.                                                                        | Thời gian thực hiện: 12 tháng                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3. Cấp quản lý: cấp cơ sở |
| 4.                                                                        | Kinh phí: 30 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                           |
| 5.                                                                        | Chủ nhiệm đề tài:<br><br>- Họ và tên: <b>NGUYỄN THỊ KIỀU OANH</b><br>- Ngày, tháng, năm sinh: 24/12/1991 Nam/nữ: Nữ<br>- Học hàm, học vị: Thạc sĩ<br>- Chức danh khoa học:<br>- Chức vụ: Giảng viên<br>- Điện thoại: 0367.548.992 Email: ntk.oanh@ufm.edu.vn<br>- Tên đơn vị đang công tác: Khoa KTKT-Trường ĐH Tài chính - Marketing |                           |
| 6.                                                                        | Thư ký đề tài:<br><br>- Họ và tên: <b>VÕ THỊ TRÚC ĐÀO</b><br>- Ngày, tháng, năm sinh: 01/09/1988 Nam/nữ: Nữ<br>- Học hàm, học vị: Thạc sĩ<br>- Chức danh khoa học:<br>- Chức vụ: Giảng viên<br>- Điện thoại: 0367.279.146 Email: vtt.dao@ufm.edu.vn<br>- Tên đơn vị đang công tác: Khoa KTKT-Trường ĐH Tài chính - Marketing          |                           |
| 7.                                                                        | Tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài: Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                           |
| Tên đơn vị 1:                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                           |

<sup>1</sup> Thuyết minh đề tài nên điền đầy đủ các mục, mục nào không có ghi rõ: “không có”, không bỏ trống  
<sup>2</sup> Nếu tên đề tài liên quan đến Luận án tiến sĩ thì chủ nhiệm chỉ nên đứng tên một mình, không có thành viên và thư ký đề tài

Điện thoại:

Địa chỉ:

Họ và tên người phối hợp:

**Tên đơn vị 2:**

Điện thoại:

Địa chỉ:

Họ và tên người phối hợp:

**8 Các cán bộ thực hiện chính**

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 05 người kể cả chủ nhiệm đề tài)

| STT | Họ và tên, học hàm, học vị | Tổ chức công tác                              | Thời gian làm việc cho đề tài<br>(Số tháng quy đổi <sup>3</sup> ) |
|-----|----------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 1   | ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh  | Khoa KTKT-Trường<br>ĐH Tài chính<br>Marketing | 6 tháng                                                           |
| 2   | TS. Ngô Thị Mỹ Thúy        | Khoa KTKT-Trường<br>ĐH Tài chính<br>Marketing | 2 tháng                                                           |
| 3   | ThS. Chu Thị Thương        | Khoa KTKT-Trường<br>ĐH Tài chính<br>Marketing | 1 tháng                                                           |
| 4   | ThS. Vương Thị Thanh Nhân  | Khoa KTKT-Trường<br>ĐH Tài chính<br>Marketing | 1 tháng                                                           |
| 5   | ThS. Võ Thị Trúc Đào       | Khoa KTKT-Trường<br>ĐH Tài chính<br>Marketing | 2 tháng                                                           |

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

|          |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>9</b> | <p><b>9.1 Mục tiêu chung</b></p> <p>Đề tài nhằm tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán (PMKT) đám mây trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p><b>9.2 Mục tiêu cụ thể</b></p> |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

<sup>3</sup> Số tháng quy đổi không phải số tháng của năm mà số tháng được quy đổi từ thời gian thực sự dành cho đề tài trong năm theo công thức:

$$\text{Số tháng quy đổi} = \frac{\text{Tổng số giờ dành cho nghiên cứu đề tài/năm}}{25 \text{ ngày} \times 8 \text{ giờ/ngày}}$$

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây trong các DNNVV tại TP.HCM.</li> <li>- Xây dựng thang đo lường đến việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây và các yếu tố tác động đến nó.</li> <li>- Kiểm định và đo lường mối quan hệ giữa các yếu tố này đến việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây trong các DNNVV tại TP.HCM.</li> <li>- Từ kết quả nghiên cứu đề tài đề xuất hàm ý quản trị giúp cho các nhà quản trị DN nhận thức đúng đắn hơn về lợi ích từ ứng dụng, về vai trò, tầm quan trọng của ứng dụng CNTT nói chung, PMKT đám mây nói riêng trong hoạt động kinh doanh tại đơn vị.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 10 | <b>Tình trạng đề tài</b><br><input checked="" type="checkbox"/> Mới<br><input type="checkbox"/> Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả<br><input type="checkbox"/> Kế tiếp nghiên cứu của người khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 11 | <b>Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của Đề tài</b><br><b>11.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của Đề tài</b><br><b>Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước:</b><br><p>Esther và cộng sự (2014) đã chọn một mẫu ngẫu nhiên gồm 72 kế toán ở Ghana để nghiên cứu. Mẫu nghiên cứu gồm 03 đối tượng: kế toán làm việc trong tổ chức sử dụng điện toán đám mây (ĐTĐM), kế toán làm việc trong tổ chức không sử dụng ĐTĐM và các sinh viên kế toán. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, bảo mật dữ liệu có thể là một nhược điểm lớn trong việc sử dụng ĐTĐM, đặc biệt là đối với những thông tin tài chính nhạy cảm tại DN, tuy nhiên ĐTĐM vẫn có thể được áp dụng thành công cho mục đích kế toán.</p> <p>Coles và cộng sự (2015) đã khảo sát 212 người ở 17 quốc gia, đại diện cho các công ty bảo mật công nghệ thông tin (CNTT), công ty CNTT, công ty kiểm toán cũng như công ty từ các ngành công nghiệp khác. Dữ liệu từ quá trình nghiên cứu được so sánh giữa các khu vực châu Mỹ, châu Á - Thái Bình Dương (America, Asia Pacific - APAC) và châu Âu - Trung Đông - châu Phi (Europe, Middle East, Africa - EMEA). Kết quả của nghiên cứu cho thấy, 12% công ty ở Mỹ không coi đám mây là ưu tiên so với 09% ở EMEA và 07% ở khu vực APAC. Yếu tố bảo mật vẫn là rào cản lớn nhất đối với việc áp dụng đám mây và các rào cản quan trọng khác là sự thiếu kiến thức và kinh nghiệm của các nhà quản lý công nghệ thông tin và DN.</p> <p>Ghosh (2015) đã khám phá khả năng phát triển của các hoạt động kế toán, dựa trên đám mây ở Ấn Độ. Tác giả gợi ý rằng, các tổ chức có thể thiết kế phần mềm kế toán của riêng họ với sự trợ giúp của cơ sở hạ tầng đám mây và cũng có thể thiết kế các ứng dụng dựa trên thiết bị di động được kết nối với đám mây. Điều này giúp các công ty không phải đầu tư phần cứng hoặc phần mềm cũng như các chi phí liên quan đến việc nâng cấp và bảo trì phần mềm.</p> <p>Soni và cộng sự (2018) đã thực hiện một nghiên cứu để chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận và không chấp nhận PMKT đám mây ở 04 lĩnh vực: ngân hàng, bảo hiểm, bán lẻ và các DNNVV tại thành phố Udaipur, Ấn Độ. Bên cạnh đó, các tác giả cũng tìm hiểu mối quan hệ giữa quy mô của tổ chức với việc áp dụng PMKT đám mây. Kết quả kiểm tra chi-square của nghiên cứu cho thấy, hầu hết các tổ chức có 250 nhân viên trở lên đang sử dụng PMKT đám mây. Liên quan đến việc không chấp nhận PMKT đám mây</p> |

thì có khoảng 41% người được hỏi, thậm chí không quen với sự tồn tại của PMKT đám mây trên thị trường, bảo mật dữ liệu là lý do chính khiến người trả lời không ủng hộ việc sử dụng PMKT đám mây. Các nhân tố được tìm ra ảnh hưởng đến việc chấp nhận PMKT tại đơn vị gồm: độ bền, dễ dàng sử dụng và bảo mật, tiết kiệm chi phí. Kết quả phân tích ANOVA cũng cho thấy, không có sự khác biệt đáng kể trong ý kiến của những người được hỏi làm việc trong các lĩnh vực khác nhau về các nhân tố tác động đến việc áp dụng PMKT đám mây tại DN.

Haleem (2020) cũng sử dụng lý thuyết UTAUT, thông qua khảo sát 354 chủ sở hữu - quản lý điều hành các DNNVV ở Sri Lanka, sử dụng kỹ thuật SEM để phân tích dữ liệu đã cho thấy rằng, kỳ vọng về hiệu quả, kỳ vọng về nỗ lực và Ảnh hưởng xã hội có tác động đến ý định hành vi sử dụng kế toán đám mây. Những điều kiện thúc đẩy ảnh hưởng trực tiếp đến Hành vi sử dụng của kế toán đám mây trong khi Ý định về hành vi sử dụng kế toán đám mây là nhân tố trung gian trong sự tác động của Kỳ vọng về hiệu quả, Kỳ vọng về nỗ lực, và Ảnh hưởng xã hội tới Hành vi sử dụng của kế toán đám mây. Hai biến điều tiết Kinh nghiệm và Quy mô tổ chức có ảnh hưởng đáng kể đến các mối quan hệ trên.

Yusuf và Pontoh (2020) với mẫu nghiên cứu gồm 86 DNNVV, thông qua kiểm định hồi quy bằng phần mềm SPSS, các tác giả đã cho thấy tính dễ sử dụng, sự tin tưởng và khả năng sử dụng máy tính ảnh hưởng đến việc lựa chọn phần mềm kế toán đám mây tại các DNNVV ở Makassar (Indonesia).

Eldalabeeh và cộng sự (2021) tiến hành khám phá các nhân tố, ảnh hưởng đến sự chấp nhận kế toán đám mây trong các lĩnh vực tài chính. Với lý thuyết nền là mô hình chấp nhận công nghệ (Technology Acceptance Model - TAM); lý thuyết công nghệ - tổ chức - môi trường (Technology – Organization - Environment - TOE) và mô hình của De Lone & Mc Lean, cùng với việc tổng quan tài liệu, nghiên cứu này đã đề xuất một mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến sự chấp nhận kế toán đám mây. Mô hình đề xuất được đánh giá thực nghiệm, bằng cách sử dụng dữ liệu khảo sát từ 187 nhà quản lý (giám đốc tài chính, giám đốc bộ phận CNTT, giám đốc bộ phận kiểm toán, kế toán trưởng và trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ) tại các ngân hàng Jordan. Sau khi kiểm định SEM, kết quả nghiên cứu chỉ ra: sự hỗ trợ của lãnh đạo cấp cao, năng lực của tổ chức, chất lượng dịch vụ, chất lượng hệ thống, nhận thức về tính hữu ích và nhận thức về tính dễ sử dụng có mối quan hệ tích cực, với ý định sử dụng kế toán đám mây (sự chấp nhận kế toán đám mây). Đồng thời, sự chấp nhận kế toán đám mây ảnh hưởng tích cực đến việc sử dụng kế toán đám mây.

#### ***Tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước:***

Các công trình nghiên cứu trong nước liên quan đến Kế toán đám mây, PMKT đám mây hiện nay còn khá hạn chế, cụ thể có 1 số công trình sau:

Lê Thị Quỳnh Liên và cộng sự (2020) đã so sánh các giải pháp ERP đám mây phổ biến nhất hiện nay từ nhà cung cấp SAP, Oracle, Microsoft và Infor. Qua đó, nêu bật kiến trúc của mỗi hệ thống, điểm mạnh và điểm yếu của chúng, trên cơ sở đó nhóm tác giả đã đưa ra những khuyến nghị cho DN, trong việc lựa chọn triển khai một hệ thống ERP đám mây phù hợp.

Le và Cao (2020) với mục đích nghiên cứu ý định sử dụng phần mềm kế toán đám mây tại các DN Việt Nam, đã dựa trên lý thuyết nền là mô hình chấp nhận công nghệ (TAM), với dữ liệu được thu thập thông qua bảng câu hỏi có cấu trúc từ 112 kế toán và quản lý trong các DN Việt Nam. Dữ liệu sau khi thu thập được tổng hợp bằng file excel, xử lý bằng phần mềm SPSS với kỹ thuật thống kê mô tả và phân tích hồi quy bội. Mô hình nghiên

cứu được thiết lập với 4 nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng phần mềm kế toán dựa trên nền tảng đám mây đó là: (1) nhận thức về tính hữu ích; (2) nhận thức về tính dễ sử dụng; (3) nhận thức về tính thuận tiện; (4) nhận thức về tính an toàn và quyền riêng tư. Kết quả chỉ ra rằng, nhận thức về tính hữu ích và nhận thức về tính dễ sử dụng có tác động tích cực đến ý định sử dụng PMKT, dựa trên đám mây của các DN. Ngoài ra, nghiên cứu đã tìm thấy, mối quan hệ tích cực giữa nhận thức về tính thuận tiện và nhận thức về tính dễ sử dụng với nhận thức về tính hữu ích; nhận thức về tính thuận tiện cũng có tác động tích cực đến Nhận thức về tính dễ sử dụng. Tuy nhiên, nhận thức về tính an toàn và quyền riêng tư không ảnh hưởng đáng kể đến ý định sử dụng PMKT, trên nền tảng đám mây tại DN.

Phạm (2020) sự tác động tích cực khi ứng dụng điện toán đám mây vào công tác kế toán sẽ giúp tổ chức công tác kế toán hiệu quả hơn. Dữ liệu kế toán được xử lý tự động và có thể chia sẻ trực tiếp đối các đối tượng liên quan theo thời gian thực, giúp tăng tính kịp thời, chính xác và tính minh bạch. Dữ liệu được bảo vệ bởi những công ty công nghệ cao và khả năng khôi phục dữ liệu cũng tốt hơn. Bên cạnh đó, công nghệ điện toán đám mây còn có thể tích hợp những ứng dụng dựa trên trí tuệ nhân tạo, blockchain nhằm đáp ứng được các yêu cầu về phân tích dữ liệu, bảo mật và kiểm soát rủi ro trong kế toán.

Phạm và Đào (2021) đã cung cấp một động lực lớn để triển khai kế toán đám mây khi cho thấy công nghệ này có ảnh hưởng gián tiếp đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua sự hài lòng của nhà quản lý. Kết quả này chỉ có ý nghĩa với các doanh nghiệp ở khu vực Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh.

### **11.2 Tính cấp thiết của đề tài**

Nhóm nghiên cứu xác định được khe hở nghiên cứu khi chủ đề kế toán đám mây được thực nghiệm rất ít tại Việt Nam và trên thế giới, các mô hình nghiên cứu còn khá đơn điệu. Nghiên cứu này sẽ xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây trong các DNNVV tại TP.HCM thông qua sự kết hợp giữa lý thuyết TAM và UTAUT bởi các lý do sau:

Thứ nhất, kế toán đám mây là khái niệm còn khá mới mẻ trong các DNNVV, đặc biệt là các DN siêu nhỏ. Thậm chí một số chủ DN còn không biết đến sự tồn tại của nó (Singerová, 2018). Do đó, cần phải điều tra nhận thức của con người, đặc biệt là nhận thức của các nhà quản lý DN về tính hữu ích và tính dễ sử dụng đối với việc chấp nhận công nghệ mới này. Mức độ chấp nhận của người dùng là một yếu tố quan trọng cần xem xét vì nó quyết định việc áp dụng, triển khai và sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức (Agarwal & Karahanna, 2000; Lippert & Davis, 2006). Nghiên cứu vận dụng lý thuyết TAM kết hợp lý thuyết UTAUT trong bối cảnh hiện nay là phù hợp.

Thứ hai, tác giả chọn đối tượng nghiên cứu là các DNNVV bởi vì vai trò quan trọng của nó đối với nền kinh tế, đặc biệt TP.HCM là trung tâm phát triển kinh tế của cả nước, góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm cho người lao động. Thực tiễn cho thấy ứng dụng công nghệ là một vấn đề nan giải với các DNVVN. Nguyên nhân có thể xuất phát từ quan điểm sai lầm phổ biến rằng công nghệ là khá tốn kém và chỉ dành cho những công ty có quy mô lớn. Nhiều doanh nghiệp vẫn loay hoay trong quy trình làm việc lỗi thời và nhỏ nhặt. Họ không biết rằng sử dụng công nghệ phù hợp sẽ giúp gia tăng năng suất và giải phóng nguồn lực cho các hoạt động tạo ra doanh thu. Có lẽ giải pháp công nghệ phù hợp nhất để cải thiện hiệu quả tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa là kế toán đám mây (Rudansky-Kloppers và Van den Bergh, 2019). Loại hình doanh nghiệp này là phù hợp hơn để triển khai công nghệ này bởi chi phí thấp, vận hành dễ dàng. Một số nghiên cứu khác

cùng chủ đề cũng xác định kế toán đám mây hỗ trợ hiệu quả hơn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc cải thiện hiệu suất làm việc, hiệu quả kinh doanh (Cleary và Quinn, 2016; Aini và cộng sự, 2020) hay thậm chí là cải thiện chất lượng báo cáo tài chính (Owolabi và Izang, 2020).

Thứ ba, trong bối cảnh hiện nay khi Cách mạng công nghiệp 4.0 bùng nổ đã mang tới các giải pháp công nghệ mới, các giải pháp công nghệ như blockchain, big data, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật và điện toán đám mây. Trong đó, điện toán đám mây chiếm một vai trò vô cùng quan trọng, gần như không thể vắng mặt trong bất cứ một hệ thống mạng nào (Faccia và cộng sự, 2019). Kế toán đám mây được xây dựng dựa trên sự phát triển của điện toán đám mây, hay còn gọi là kế toán trực tuyến. Nó có chức năng tương tự như phần mềm kế toán được cài đặt trên máy tính của doanh nghiệp nhưng thực sự là vận hành trên máy chủ của nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây. PMKT đám mây được xem là công cụ hàng đầu hỗ trợ doanh nghiệp đạt được các mục tiêu tài chính, không chỉ thay đổi phương thức vận hành doanh nghiệp nhanh chóng, hiệu quả mà còn tiết kiệm được thời gian, chi phí, mang lại hiệu suất tài chính cao hơn. Thời gian gần đây, ý định và hành vi sử dụng kế toán đám mây cũng bắt đầu được nghiên cứu tại số ít các nước đang phát triển, chẳng hạn như Malaysia (Musa và cộng sự, 2019), Indonesia (Agus Pramuka và Pinasti, 2020; Hamundu và cộng sự, 2020; Yusuf và Pontoh, 2020), Jordan (Eldalabeeh và cộng sự, 2021; Alshirah và cộng sự, 2021), Sri-Lanka (Haleem, 2020; Premarathne và cộng sự, 2021).

PMKT trên nền tảng đám mây (PMKT trực tuyến) là một loại PMKT cho phép các cá nhân cập nhật và xem thông tin mọi lúc, mọi nơi, với mọi thiết bị có kết nối Internet. Do đó, PMKT dựa trên đám mây khác với PMKT truyền thống, vì nó không yêu cầu cài đặt trên máy tính, nó kết nối với máy chủ và hoạt động thông qua mạng Internet. Phần mềm này giúp kế toán, quản lý làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả và giảm áp lực đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực do không cần đầu tư máy chủ và nhân sự liên kết. Người quản lý và kế toán có thể xem thông tin mọi lúc mọi nơi, bằng mọi thiết bị có thể kết nối Internet như điện thoại, máy tính bảng. Những ưu điểm đặc biệt đáng chú ý của PMKT trực tuyến so với PMKT truyền thống còn bao gồm cập nhật kịp thời các tiến bộ công nghệ trong kế toán, quy định pháp luật và dữ liệu được sao lưu liên tục, tránh việc mất dữ liệu. Ứng dụng PMKT trực tuyến tại các DN Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn sơ khai. Người dùng vẫn lo ngại về tính bảo mật, thông tin riêng tư trong môi trường kế toán đám mây, đồng thời họ vẫn đang xem xét tính hữu ích, dễ sử dụng của PMKT đám mây so với các PMKT truyền thống. Trong bối cảnh dịch Covid-19 rất khó kiểm soát như hiện nay, nhu cầu làm việc tại nhà thông qua PMKT đám mây để duy trì hoạt động của DN mà vẫn đảm bảo giãn cách là một điều cần được đẩy mạnh.

Vì vậy, nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây trong các DN Việt Nam, nhất là các DN NVV để thúc đẩy việc ứng dụng PMKT đám mây tại các DN này là một sự cần thiết về mặt thực tiễn, nhận diện được đâu là vấn đề cần quan tâm khi dự định ứng dụng PMKT đám mây tại đơn vị này. Qua đó, thực hiện thành công việc ứng dụng PMKT đám mây, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại các DN NVV trên địa bàn TP.HCM.

- |    |                                                                                                                                          |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12 | <b>Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan (theo chuẩn APA)</b> |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

### Tiếng Việt

- Chu, T. H. (2019). Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 11. Retrieved from <https://vass.gov.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/Phat-trien-doanh-nghiep-nho-va-vua-96>
- Nguyễn, Q. H. (2020). Ảnh hưởng của điện toán đám mây đến việc công bố thông tin kế toán của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí công thương*. Retrieved from <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/anh-huong-cua-dien-toan-dam-may-den-viec-cong-bo-thong-tin-ke-toan-cua-cac-doanh-nghiep-tren-dia-ban-thanh-pho-ho-chi-minh-68673.htm>
- Nguyễn, D. T. (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. Hà Nội: NXB Lao động - Xã hội
- Lê Thị Quỳnh Liên, Hồ Quốc Dũng, Võ Thị Phương Hà, (2020), “So sánh các giải pháp hoạch định nguồn lực DN trên nền tảng ĐTĐM và khuyến nghị cho các DN”, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, tập 129, Số 5C, 2020, trang 19 – 41.
- Le, O., & Cao, Q. (2020). Examining the technology acceptance model using cloud-based accounting software of Vietnamese enterprises. *Management Science Letters*, 10(12), 2781-2788.
- Phạm, D. T. (2020). Ảnh hưởng từ cách mạng công nghiệp 4.0 đến thông tin kế toán trong doanh nghiệp. *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán của Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA)*. Retrieved from <https://www.hoiketoanhcm.org.vn/vn/trao-doi/anh-huong-tu-cach-mang-cong-nghiep-40-den-thong-tin-ke-toan-trong-doanh-nghiep/>
- Phạm, N. T., & Đào, N. M. (2021). Sự tác động của phần mềm kế toán đám mây tới hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam: Vai trò trung gian sự hài lòng của lãnh đạo cấp cao. *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế & kinh doanh Châu Á*, 32(2). Retrieved from [http://jabes.ueh.edu.vn/Home/SearchArticle?article\\_Id=d7a75df7-db87-439e-8a44-4eabf6f617b7](http://jabes.ueh.edu.vn/Home/SearchArticle?article_Id=d7a75df7-db87-439e-8a44-4eabf6f617b7)

### Tiếng Anh

- Agus Pramuka, B., & Pinasti, M. (2020). Does Cloud-Based Accounting Information System Harmonize the Small Business Needs?. *Journal of Information and Organizational Sciences*, 44(1), 141-156.

- Aini, Q., Anoesyirwan, A., & Ana, Y. (2020). Effect of Cloud Accounting as income statement on Accountant Performance. *Aptisi Transactions on Management (ATM)*, 4(1), 13-21.
- Coles, C., Yeoh, J., Guanaco, F. and Mishra, E., (2015), Cloud adoption practices & priorities survey report.
- Cleary, P., & Quinn, M. (2016). Intellectual capital and business performance: An exploratory study of the impact of cloud-based accounting and finance infrastructure. *Journal of Intellectual Capital*, 17(2), 255-278.
- Esther E, Omane K B, Timothy A and Michael E K, (2014), Accounting in the Cloud: How Cloud Computing Can Transform Businesses (The Ghanaian Perspective). Proceedings of the Second International Conference on Global Business, Economics, *Finance and Social Sciences*, GB14 Chennai.
- Eldalabeeh, A. R., Obeid Al-Shbail M., Almuiet, M. Z., Baker, M. B., & E'leimat, D. (2021). Cloud-Based Accounting Adoption in Jordanian Financial Sector. *The Journal of Asian Finance, Economics, and Business*, 8(2), 833-849.
- Faccia, A., Al Naqbi, M. Y. K., & Lootah, S. A. (2019, August). Integrated Cloud Financial Accounting Cycle: How Artificial Intelligence, Blockchain, and XBRL will Change the Accounting, Fiscal and Auditing Practices. In *Proceedings of the 2019 3rd International Conference on Cloud and Big Data Computing*, pp. 31-37. Oxford, United Kingdom.
- Ghosh A, (2015), Adoption of Cloud Based E-Accounting in India. *AGU International Journal of Management Studies and Research*, Vol. 1, July-December.
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2014). *Multivariate data analysis* (7th ed.). Harlow, Essex: Pearson.
- Hamundu, F. M., Husin, M. H., Baharudin, A. S., & Khaleel, M. (2020). Intention to Adopt Cloud Accounting: A Conceptual Model from Indonesian MSMEs Perspectives. *The Journal of Asian Finance, Economics, and Business*, 7(12), 749-759.
- Haleem, A. (2020). Owner manager's acceptance of cloud accounting: an evaluation based on utaut model. *Journal of Information Systems & Information Technology (JISIT)*, 5(1), 75-88.
- Musa, Z. K. C., Muhayiddin, M. N., Yusoff, M. N. H., Ismail, M., & Muhamad, M. (2019).

Intention to Use Cloud Accounting System Among SMEs in Malaysia: A Conceptual Framework of a Modified Unified Theory of Acceptance and Use of Technology (UTAUT) Model. *Research in World Economy*, 10(2), 74-78.

- Owolabi, S. A., & Izang, J. U. (2020). Cloud Accounting And Financial Reporting Qualities Of Smes In Nigeria: An Overview, 60(1), 21-28.
- Premarathne, D., Rajeshwaran, N., & Umayangana, E. (2021). Determinants of Adoption of Cloud-based Accounting: A Paradigm Shift in Sri Lanka. *Asian Journal of Management Studies*, 1(1), 103-127.
- Singerová, J. (2018). Accounting in cloud. *European Financial and Accounting Journal*, 13(1), 61-76.
- Soni, R., Saluja, R. and Vardia, S., (2018), Awareness and adoption of cloud accounting software: An empirical research. *IUP Journal of Accounting Research & Audit Practices*, 17(2), pp. 36-50
- Van den Bergh, K., & Kloppers, S. R. (2019). The absorption and usage of cloud accounting technology by accounting firms in Cape Town for services provided to their clients. *African Journal of Science, Technology, Innovation and Development*, 11(2), 161-180.
- Yusuf, A. U., & Pontoh, G. T. (2020). Factors affecting interest in using cloud accounting applications in small and medium enterprises (SMEs). *International Journal of Information, Business and Management*, 12(3), 161-173.
- Zhang, Y., Xiong, F., Xie, Y., Fan, X., & Gu, H. (2020). The Impact of Artificial Intelligence and Blockchain on the Accounting Profession. *IEEE Access*, 8, 110461-110477.

### 13 Các nội dung nghiên cứu của đề tài

**Nội dung thứ nhất:** Tổng quan các nghiên cứu đã công bố và xác định khe trống nghiên cứu, cụ thể:

1. Tổng quan các nghiên cứu về việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây tại các DNNVV.
2. Xác định khe trống nghiên cứu.

**Nội dung thứ hai:** Các khái niệm, các lý thuyết nền tảng liên quan đến việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây, cụ thể:

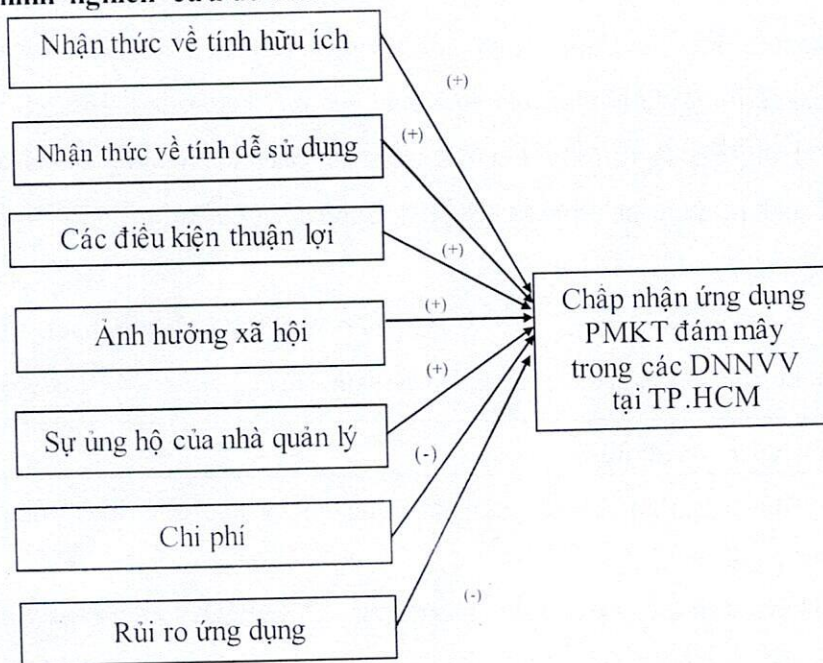
1. Các khái niệm cơ bản: Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV); Phần mềm kế toán (PMKT); Điện toán đám mây (ĐTĐM).

## 2. Các lý thuyết nền tảng:

+ *Lý thuyết chấp nhận công nghệ (TAM) (Technology acceptance model - TAM) của Venkatesh và Davis (1996)*: Mô hình sự chấp nhận công nghệ TAM là sự điều chỉnh của Lý thuyết hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action - TRA) áp dụng vào lĩnh vực hệ thống thông tin. TAM cho rằng, nhận thức về tính hữu ích và nhận thức về tính dễ sử dụng sẽ quyết định ý định sử dụng hệ thống của một cá nhân, từ đó tác động đến việc sử dụng hệ thống thực tế. Trong mô hình TAM, ý định sử dụng đóng vai trò là nhân tố trung gian, nhận thức về tính hữu ích và nhận thức về tính dễ sử dụng là nhân tố độc lập, việc sử dụng hệ thống thực tế là nhân tố phụ thuộc.

+ *Lý thuyết thống nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ (UTAUT) - Venkatesh và cộng sự (2003)*: Lý thuyết này cung cấp một công cụ hữu ích cho các nhà quản lý khi đánh giá khả năng thành công của việc giới thiệu công nghệ mới và giúp họ hiểu động cơ chấp nhận nó. Qua đó, ý định cũng như hành vi sử dụng công nghệ mới chịu ảnh hưởng của kỳ vọng về hiệu suất, kỳ vọng sự thích ứng, ảnh hưởng của xã hội và điều kiện cơ sở vật chất. Ngoài ra, mối quan hệ giữa các yếu tố này đối với ý định sử dụng công nghệ còn bị điều tiết bởi các đặc điểm nhân khẩu học.

## 3. Mô hình nghiên cứu đề xuất:



Từ mô hình nghiên cứu trên, các giả thuyết như sau:

Davis và cộng sự (1996) cũng báo cáo rằng Nhận thức dễ sử dụng đã được phát hiện là có tác động đáng kể liên quan đến Ý định và hành vi sử dụng. Các báo cáo trong các nghiên cứu của Adams, Nelson, và Todd (1992); Agarwal và Karahanna (2000); Davis và cộng sự (1989); Doll, Hendrickson, và Deng (1998); Segars và Grover (1993) đã xác minh rằng Nhận thức sự hữu ích và tính Nhận thức dễ sử dụng là yếu tố then chốt trong cấu trúc sự chấp nhận của cá nhân. Nhóm tác giả đề xuất giả thuyết:

***H1: Nhận thức về tính hữu ích được cảm nhận bởi DN càng cao thì việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây của DN càng cao (quan hệ đồng biến)***

***H2: Nhận thức về tính dễ sử dụng được cảm nhận bởi DN càng cao thì việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây của DN càng cao (quan hệ đồng biến)***

Điều kiện thuận lợi được định nghĩa là mức độ mà một cá nhân có niềm tin rằng cơ sở hạ tầng kỹ thuật của tổ chức đủ điều kiện để hỗ trợ cho hệ thống (Venkatesh et al., 2003). Kết quả nghiên cứu của Alalwan, Dwivedi, Rana, Lal, và Williams (2015) cho thấy Các điều kiện thuận lợi có thể tác động trực tiếp đến việc sử dụng thực tế của máy tính và hệ thống. Teo (2011) chỉ ra rằng Điều kiện thuận lợi có ảnh hưởng trực tiếp đến Hành vi. Các điều kiện thuận lợi cho một công nghệ có mối tương quan tích cực với việc sử dụng công nghệ. Theo Im, Hong, và Kang (2011), nếu có nhiều điều kiện thuận lợi hỗ trợ thì mọi người sẽ có nhiều khả năng hơn để áp dụng công nghệ đó. Nhóm tác giả đề xuất giả thuyết:

***H3: Các điều kiện thuận lợi được cảm nhận bởi DN càng cao thì việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây của DN càng cao (quan hệ đồng biến)***

Ảnh hưởng xã hội được đề cập đến như là mức độ một cá nhân nhận thức được tầm quan trọng của việc bị tác động bởi niềm tin của những người xung quanh rằng cá nhân đó nên sử dụng hệ thống mới. Ảnh hưởng xã hội hữu ích cho các nhà quản lý khi đánh giá khả năng thành công của việc giới thiệu công nghệ mới và giúp họ hiểu động cơ chấp nhận nó. Các nghiên cứu của Soni và cộng sự, (2018); Van den Bergh và Kloppers, (2019); Musa và cộng sự, (2019); Haleem, (2020); Edalabeeh và cộng sự, (2021) cũng cho thấy ý định ứng dụng công nghệ có tác động bởi nhân tố ảnh hưởng xã hội. Nhóm tác giả đề xuất giả thuyết:

***H4: Ảnh hưởng xã hội được cảm nhận bởi DN càng cao thì việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây của DN càng cao (quan hệ đồng biến)***

Sự ủng hộ của nhà quản lý trong ứng dụng hệ thống thông tin được hiểu là sự tán thành trong việc sử dụng hệ thống mới. Họ sẵn sàng hỗ trợ và chủ động khuyến khích nhân viên sử dụng công nghệ mới trong việc hoàn thành nhiệm vụ (Premkumar & Roberts, 1999). Một số nghiên cứu đã khám phá rằng khi nhà quản lý hay chủ doanh nghiệp có khả năng dự đoán trước những thay đổi về hoạt động kinh doanh trong tương lai, có sự hiểu biết nhất định về thông tin, thì họ sẽ ủng hộ và xúc tiến nhanh chóng việc ứng dụng, tác động này mang tính chất tích cực (Thong, 1999). Một số nghiên cứu khác cũng phát hiện rằng sự ủng hộ của nhà quản lý sẽ tạo ra một môi trường hỗ trợ và cung cấp nguồn lực thích hợp cho việc áp dụng công nghệ (Grover V & Goslar MD, 1993; Rogers, 1995). Tại Việt Nam, các DNNVV thường có cấu trúc hoạt động quyền lực tập trung, mọi vấn đề phát sinh trong doanh nghiệp chủ yếu do nhà quản lý/ hay chủ doanh nghiệp quyết định. Nhóm nghiên cứu đề xuất giả thuyết:

**H5: Mức độ ủng hộ của nhà quản lý càng lớn thì việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây của DN càng cao (quan hệ đồng biến)**

Nhân tố chi phí được hiểu là sự cảm nhận về chi phí ứng dụng xét trong mối quan hệ với hiệu quả đạt được (gọi tắt là chi phí). Theo Tornatzky & Klein (1982), chi phí cho ứng dụng công nghệ mới được cảm nhận thấp thì khả năng chấp nhận ứng dụng sẽ càng cao. Premkumar & Roberts (1999) đã đồng ý nhân tố chi phí xét trong mối quan hệ với hiệu quả - cost-effectiveness (gọi tắt là chi phí) có ý nghĩa quan trọng khi nghiên cứu chấp nhận ứng dụng xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ. Khi CNTT càng phát triển với sự ra đời ngày càng nhiều của các phần cứng, chương trình phần mềm, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu đa dạng của các doanh nghiệp, chi phí cũng không còn là vấn đề lớn đối với doanh nghiệp nhỏ trong nghiên cứu của Palvia & cộng sự (1994). Tuy nhiên, đối với DNNVV ở Việt Nam nhân tố chi phí vẫn có khả năng là một trở ngại đáng kể khi xem xét ứng dụng PMKT. Nhóm nghiên cứu đề xuất giả thuyết:

**H6: Chi phí được cảm nhận dựa trên lợi ích đạt được càng cao thì việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây của DN càng thấp (quan hệ nghịch biến)**

Khả năng mà doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với một số vấn đề ngoài ý muốn nhưng có thể lường trước được. Đó là điều mà họ thường phải phân vân và cân nhắc kỹ lưỡng trước khi đưa ra một quyết định chính thức. Rủi ro cũng có thể được hiểu là “khả năng sẽ bị tổn thất- the possibility of loss” (Chiles & McMackin, 1996) mà DN cảm nhận được. Từ đó, nhân tố rủi ro ứng dụng có thể sẽ tác động trái chiều đến ứng dụng hệ thống thông tin (Tsai & cộng sự, 2005; Lui & Chan,

2008). Đối với các DNNVV, đây cũng có thể là một nhân tố quan trọng cần xem xét. Vì khi Doanh nghiệp quyết định áp dụng PMKT đám mây hay nâng cấp thêm các chức năng của phần mềm, khả năng sẽ không được sự ủng hộ của nhân viên, cũng có thể doanh nghiệp lo lắng khi sử dụng PMKT thỉnh thoảng sẽ bị sai và rất khó phát hiện, khó truy tìm lỗi sai (Razi & Madani, 2012). Nhóm tác giả đề xuất giả thuyết:

**H7: *Rủi ro ứng dụng được cảm nhận bởi DN càng cao thì chấp nhận ứng dụng PMKT của DN càng thấp (quan hệ nghịch biến)***

**Nội dung thứ ba:** Phương pháp nghiên cứu

Đề tài thực hiện phương pháp nghiên cứu hỗn hợp gồm phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng. Tuần tự nghiên cứu định tính sẽ được thực hiện trước, theo sau đó là phương pháp định lượng, cụ thể:

- Phương pháp nghiên cứu định tính: Dựa trên các lý thuyết nền tảng và các công trình nghiên cứu trước, chọn lọc, tổng hợp nguồn tài liệu đưa ra được các nhân tố xây dựng mô hình nghiên cứu dự kiến. Cùng với kỹ thuật Delphi, tác giả thiết lập bảng khảo sát chuyên gia. Thông qua thực hiện phỏng vấn và điều tra sâu các chuyên gia cho đến khi nội dung nghiên cứu đạt điểm bão hòa.

- Phương pháp nghiên cứu định lượng: Tiến hành qua 2 bước, cụ thể:

Bước nghiên cứu sơ bộ: Xây dựng bảng câu hỏi chính thức cho bước nghiên cứu định lượng gồm các mục hỏi của mô hình đo lường.

Bước nghiên cứu chính thức: Mục đích tại bước này nhằm khám phá nhân tố và đo lường mức độ tác động của các nhân tố này đến việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây tại các DNNV tại TP.HCM bao gồm: Điều tra diện rộng; Phương pháp thu thập dữ liệu; Phân tích dữ liệu.

**Nội dung thứ tư:** Kết quả nghiên cứu.

**Nội dung thứ năm:** Kết luận và đề xuất các hàm ý chính sách.

|           |                                                             |
|-----------|-------------------------------------------------------------|
| <b>14</b> | <b>Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------|

|             |                                                            |
|-------------|------------------------------------------------------------|
| <b>14.1</b> | <b><i>Nguồn dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu:</i></b> |
|-------------|------------------------------------------------------------|

|  |                                                                                                                                                                               |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu là dữ liệu sơ cấp được thu thập từ ý kiến chuyên gia; tổng hợp, phân tích nguồn tài liệu từ các bài báo đã được công bố, khảo sát trực tiếp. |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|             |                                                                                                     |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>14.2</b> | <b><i>Trong quá trình thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu sẽ tổ chức các buổi hội thảo / thảo</i></b> |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|

**luận nhóm, tọa đàm khoa học cụ thể như sau:**

Tổ chức thảo luận nhóm nhằm thu thập ý kiến đóng góp của các giảng viên chuyên ngành nhằm hoàn thiện các nội dung liên quan đến nghiên cứu.

#### **14.3 Kế hoạch khảo sát/điều tra thực tế trong nước**

Đối tượng khảo sát là các DNNVV đã sử dụng PMKT đám mây trên địa bàn TP.HCM

Mẫu khảo sát dự kiến là 150 quan sát

### **15 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng đối với từng nội dung**

#### **15.1. Cách tiếp cận nghiên cứu**

Đề tài được thực hiện thông qua tổng lược các công trình nghiên cứu đã công bố trên thế giới và Việt Nam nhằm xác định khe trống nghiên cứu. Sau đó, tác giả tiến hành xác định mục tiêu nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu để từ đó tiến hành khảo sát, thu thập dữ liệu phục vụ cho kiểm định mô hình nghiên cứu đã xác định.

#### **15.2 Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng**

##### **❖ Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

**Đối tượng nghiên cứu:** Các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây trong các DNNVV tại TP.HCM

**Đối tượng khảo sát:** Nhà quản trị, Kế toán trưởng hoặc phụ trách bộ phận kế toán tại đơn vị

**Phạm vi nghiên cứu:** Các DNNVV tại TP.HCM

##### **❖ Phương pháp nghiên cứu:**

Trong nghiên cứu này, tác giả lựa chọn phương pháp hỗn hợp bởi nó được xem là thích hợp cho việc giải quyết mục tiêu cũng như câu hỏi nghiên cứu.

##### **Nghiên cứu định tính**

Phương pháp tình huống được sử dụng khi các nghiên cứu chỉ mới phát triển ở giai đoạn sơ khai (Nguyễn, 2011). Với việc chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây trong các DNNVV tại Việt Nam còn khá hạn chế cộng thêm các nghiên cứu về chủ đề này khá ít ỏi, do đó tác giả chọn phương pháp tình huống cho phần nghiên cứu định tính.

##### **+) Mẫu nghiên cứu**

Kế thừa từ các nghiên cứu định tính trước đây với cùng chủ đề, tác giả lựa chọn mẫu là các kế toán trưởng, phụ trách bộ phận kế toán, hoặc nhà quản trị, nhà quản lý tại DNNVV (Hamundu và cộng sự, 2020; Yau-Yeung và cộng sự, 2020).

##### **+) Kỹ thuật thu thập dữ liệu**

Để thu thập dữ liệu định tính, tác giả sử dụng dàn bài thảo luận. Dàn bài thảo luận gồm 2 phần, phần giới thiệu, gọn lọc và phần thảo luận. Các câu hỏi trong dàn bài thảo luận được kế thừa

từ các lý thuyết, các nghiên cứu trước, chúng không có cấu trúc chặt chẽ. Các câu hỏi mở được sử dụng nhằm mục đích hướng dẫn thảo luận.

### **Nghiên cứu định lượng**

Tác giả sử dụng phương pháp khảo sát (Nguyễn, 2011)

#### **+) Mẫu nghiên cứu**

Tác giả chọn mẫu theo phương pháp thuận tiện trong các phương pháp chọn mẫu phi xác suất bởi nó cho phép tác giả dễ dàng tiếp cận với đối tượng nghiên cứu (Nguyễn, 2011). Kế thừa từ các nghiên cứu trước, để đo lường ý định sử dụng kế toán đám mây và các yếu tố ảnh hưởng đến nó, tác giả chọn mẫu là các nhà quản lý, kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong DNNVV (Le và Cao, 2020; Cokins và cộng sự, 2020; Haleem, 2020).

Hair và cộng sự (2014) đề nghị kích thước mẫu cho phân tích nhân tố khám phá là  $n = 5 \times$  số lượng biến quan sát. Đối với phân tích hồi quy, kích thước mẫu được xác định theo công thức  $n = 50 + 8 \times$  số lượng biến độc lập (Nguyễn, 2011). Dự kiến, nghiên cứu này có 07 biến độc lập, do đó  $n = 50 + 8 \times 7 = 106$ .

#### **+) Kỹ thuật thu thập dữ liệu**

Tác giả sử dụng thang đo Likert 5 mức độ từ 1 – hoàn toàn không đồng ý đến 5 – hoàn toàn đồng ý.

Bảng câu hỏi nháp sẽ được dùng để thu thập ý kiến các chuyên gia từ đó hiệu chỉnh và chuẩn bị cho bảng hỏi chính thức.

Bảng hỏi chính thức sẽ được gửi đến nhà quản lý, kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán DNNVV tại TP.HCM.

### **❖ Các kỹ thuật được sử dụng trong quá trình nghiên cứu**

*(Phương pháp xử lý số liệu bằng kỹ thuật nào)*

Các kỹ thuật phân tích được sử dụng để thực hiện đề tài bao gồm:

Tác giả sử dụng phần mềm SPSS để hỗ trợ cho việc phân tích số liệu:

- + Thống kê mô tả được sử dụng nhằm mục đích mô tả sơ bộ các đặc điểm của mẫu nghiên cứu.
- + Đánh giá độ tin cậy thang đo nhằm xử lý sự nhất quán và sự lặp lại của đo lường. Nghiên cứu này sử dụng tính nhất quán nội tại để kiểm tra độ tin cậy thang đo thông qua hệ số Cronbach Alpha (Nguyễn, 2011). Đây là bước quan trọng, tạo điều kiện cho các bước phân tích sau.
- + Kiểm định giá trị hội tụ và giá trị phân biệt vì giá trị hội tụ nói lên mức độ hội tụ của một thang đo được dùng để đo lường một khái niệm sau nhiều lần lặp lại (Nguyễn, 2011). Giá trị phân biệt cho thấy hai thang đo đo lường hai khái niệm khác nhau thì phải khác biệt nhau. Phương pháp phân tích nhân tố khám phá được dùng để kiểm định hai giá trị này (Nguyễn, 2011). Cụ thể, giá trị hội tụ được đánh giá thông qua ma trận trọng số nhân tố (Pattern matrix), còn giá trị phân biệt thì dựa vào tiêu chí eigenvalue và xem xét tổng phương sai trích (Total variance explained).

+ Các giả thuyết sẽ được kiểm định thông qua phân tích hồi quy. Cụ thể, với các mối quan hệ trực tiếp giữa các biến, tác giả phân tích hồi quy bằng phương pháp đồng thời (Enter) bởi theo Nguyễn (2011) thì kỹ thuật này phù hợp khi mà các giả thuyết nghiên cứu đều đã được xác lập từ trước, mối quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc đều đã được suy diễn từ lý thuyết. Với ảnh hưởng trung gian và ảnh hưởng điều tiết, tác giả sử dụng lần lượt mô hình thứ tư và mô hình thứ nhất của Hayes (2017) cùng kỹ thuật Bootstrapping để phân tích.

| 16  | Kế hoạch thực hiện                                                               |                                                                                                                                                            |                     |                          |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------|
| STT | Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện<br>(các mốc đánh giá chủ yếu) | Kết quả phải đạt                                                                                                                                           | Thời gian thực hiện | Người, cơ quan thực hiện |
| 1   | Tổng quan nghiên cứu                                                             | Lược khảo các nghiên cứu liên quan đến chấp nhận ứng dụng PMKT đám mây để xác định được khe trống nghiên cứu.                                              | 3 tháng             | Nhóm tác giả             |
| 2   | Lý thuyết nền tảng                                                               | - Lý thuyết chấp nhận công nghệ (TAM)<br>- Lý thuyết chấp nhận và sử dụng công nghệ (UTAUT).                                                               | 3 tháng             | Nhóm tác giả             |
| 3   | Phương pháp nghiên cứu                                                           | Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp gồm nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng.                                                                          | 1 tháng             | Nhóm tác giả             |
| 4   | Kết quả nghiên cứu                                                               | Kết quả nghiên cứu định tính là cơ sở để tiến hành nghiên cứu định lượng.<br>Kết quả nghiên cứu định lượng là cơ sở kiến nghị chính sách cho doanh nghiệp. | 4 tháng             | Nhóm tác giả             |
| 5   | Kết luận và hàm ý chính sách                                                     | Tóm tắt được kết quả của nghiên cứu đã hoàn thành                                                                                                          | 1 tháng             | Nhóm tác giả             |

|  |  |                                                                                                                                                 |  |  |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  |  | từng mục tiêu đề ra và đề tài phải giải quyết được các hàm ý chính sách phù hợp với thực hiện và đóng góp vào lợi ích của doanh nghiệp, xã hội. |  |  |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

### III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                    |                                                                                                |                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Sản phẩm chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt:</b> <i>(liệt kê theo dạng sản phẩm)</i>                                |                                                                                                |                                                                                                                                                       |
| 17.1 - <b>Dạng I:</b> Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị) và các sản phẩm khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                    |                                                                                                |                                                                                                                                                       |
| TT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Tên sản phẩm</b><br>(ghi tên từng sản phẩm)                                                                                     | <b>Yêu cầu khoa học cần đạt</b>                                                                | <b>Ghi chú</b>                                                                                                                                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu                                                                                                 | Đạt yêu cầu được thông qua hội đồng nghiệm thu                                                 |                                                                                                                                                       |
| 17.2 <b>Dạng II:</b> Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                    |                                                                                                |                                                                                                                                                       |
| TT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Tên sản phẩm</b><br>(ghi rõ tên từng sản phẩm )                                                                                 | <b>Yêu cầu khoa học cần đạt</b>                                                                | <b>Dự kiến công bố</b><br>(Tạp chí, Nhà xuất bản)                                                                                                     |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán đám mây trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại TP.HCM | Bài báo phải đạt được yêu cầu về bài báo khoa học về hình thức, nội dung và đóng góp mang lại. | Bài báo khoa học đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing hoặc tạp chí thuộc danh mục của HĐ chức danh Giáo sư Nhà nước 0.75 điểm trở lên). |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Sản phẩm phục vụ đào tạo                                                                                                           |                                                                                                | Tình huống giảng dạy phục vụ học phần Hệ thống thông tin kế toán                                                                                      |
| 18                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:</b>                                                           |                                                                                                |                                                                                                                                                       |
| 18.1- <b>Lợi ích của đề tài</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                    |                                                                                                |                                                                                                                                                       |
| a) Tác động đến xã hội:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                    |                                                                                                |                                                                                                                                                       |
| Công nghệ thông tin không ngừng phát triển thì sức ép đối với các DNNVV là điều không thể tránh khỏi Để nâng cao hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, DNNVV buộc phải thay đổi. Việc thay đổi bắt đầu từ việc ứng dụng CNTT trong lĩnh vực kế toán. Giải pháp công nghệ phù hợp nhất để cải thiện hiệu quả tài chính trong các DNNVV là kế toán đám mây (điện toán đám mây). Qua nghiên cứu này giúp cho các nhà quản trị DN nhận thức đúng đắn hơn về lợi ích từ ứng dụng, về vai trò, tầm quan trọng của ứng dụng CNTT nói chung, PMKT đám mây nói riêng trong hoạt |                                                                                                                                    |                                                                                                |                                                                                                                                                       |

động kinh doanh tại đơn vị.

Trong bối cảnh dịch Covid-19 rất khó kiểm soát như hiện nay, nhu cầu làm việc tại nhà thông qua PMKT đám mây để duy trì hoạt động của DN mà vẫn đảm bảo giãn cách là một điều cần được đẩy mạnh, kết quả nghiên cứu có đóng góp về mặt XH.

b) Tác động nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học:

- Kết quả nghiên cứu bổ sung vào nguồn lý thuyết về việc chấp nhận ứng dụng PMKT nói chung và PMKT đám mây nói riêng của các DNNVV tại TP.HCM

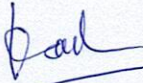
- Là tiền đề để các nhà nghiên cứu xem xét sâu hơn trong tương lai.

**18.2- Phương thức chuyển giao:** (Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu cho đối tượng thụ hưởng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu).

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ được chuyển giao cho Phòng Khoa học và các khoa, bộ môn, giảng viên có liên quan làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023

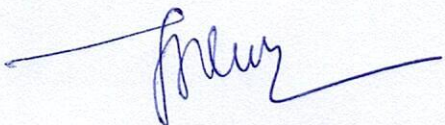
**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**



**Nguyễn Thị Kiều Oanh**

Ngày 27 tháng 6 năm 2023

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**Phạm Tiến Hưng**

Ngày 01 tháng 6 năm 2023

**PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC**



**PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga**

Ngày 27 tháng 6 năm 2023

**BAN GIÁM HIỆU**



**PGS.TS. Phạm Tiến Đạt**